

Số: 15 /2019/QĐST-DS

G, ngày 26 tháng 08 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 26 tháng 07 năm 2019, Văn bản thống nhất nội dung hoà giải của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc: ***Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.***

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải, Văn bản thống nhất nội dung hoà giải của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản thống nhất nội dung hoà giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến hay phản đối về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chu Thị Minh P, sinh năm 1982. Ông Phạm Đình K, sinh năm 1980. Ông K ủy quyền cho bà Chu Thị Minh P (hợp đồng ủy quyền số 58.2019 ngày 29/3/2019). Cùng cư trú tại : Số 39 ngách 670/32 d, thị trấn V, G, Hà Nội.

Bị đơn : Ông Tạ Văn T, sinh năm 1962. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962. Cùng cư trú : Số 50 ngách 670/32 d, thị trấn V, G, Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Phan Thị L, sinh năm 1938 ; Trú tại : Số 3 ngách 622/21 tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1973 ; Trú tại : Số 24, tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

3. Ông Trần Minh Tr, sinh năm 1975 ; Trú tại : Ngõ 670/38/52 d, tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

4. Ông Trần Ngọc CH, sinh năm 1968 ;Trú tại : Số 3 ngách 622/21 tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

5. Bà Tạ Thị CH, sinh năm 1960 ; Trú tại : Số 3 ngách 670/38/50 tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

6. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1966 ; Trú tại : Tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

7. Anh Tạ Đình D, sinh năm 1989 : Trú tại : Tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Xác nhận ngày 8/4/2015, ông Tạ Văn T sinh năm 1962 cùng vợ bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1962 đã lập hợp đồng đặt cọc, nội dung chuyển nhượng 50,4m² đất, tại thửa số 19(2) + 22(6), tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội cho ông Phạm Đình K sinh 1980 và vợ bà Chu Thị Minh P sinh năm 1982, với giá chuyển nhượng là 864.000.000 đồng, tương đương 17.142.000 đ/m².

2.2. Tính đến ngày 26/7/2019, ông Phạm Đình K, bà Chu Thị Minh P đã T2 toán cho ông Tạ Văn T và bà Nguyễn Thị T2 số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 650.000.000 đồng, còn nợ 214.000.000 đồng.

2.3. Ngày 30/7/2019, ông Phạm Đình K, bà Chu Thị Minh P đã T2 toán nốt phần còn nợ 214.000.000 đồng cho ông Tạ Văn T, bà Nguyễn Thị T2.

2.4. Ngày 30/7/2019, ông Tạ Văn T, bà Nguyễn Thị T2 đã bàn giao toàn bộ diện tích 50,4m² đất, tại thửa số 19(2) + 22(6), tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội cho ông Phạm Đình K, bà Chu Thị Minh P.

Nay không bên nào còn phải có nghĩa vụ T2 toán cho nhau khoản tiền gì khác.

2.5. Do diện tích đất nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Phạm Đình K, bà Chu Thị Minh P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định về pháp luật đất đai đối với diện tích 50,4m² đất, tại thửa số 19(2) + 22(6), tổ Y, thị trấn V, G, Hà Nội.

3.Về án phí: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.350.000 đồng. Hai bên thống nhất, ông Tạ Văn T, bà Nguyễn Thị T2 chịu 2.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Phạm Đình K, bà Chu Thị Minh P chịu 2.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Chu Thị Minh P đã nộp 18.960.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0004250 ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nay được hoàn trả L 16.285.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G
Thẩm phán

Vũ Quang Long